

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 16-9-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Bà Lê Thị Kim Xuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 815/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Nh**, sinh năm 1988.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hai L**, sinh năm 1983.

Cùng HKTT: ấp M, xã V, huyện P, tỉnh B.

Cùng tạm trú: nhà trọ M, tổ 16, ấp Đ, xã H, huyện N, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Võ Thị Nh trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hai L tự nguyện chung sống vào năm 2006, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh B.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không có trách nhiệm với gia đình, thường gây

nợ nần, không phụ giúp chị lo cho gia đình. Chị đã nhiều lần khuyên can và bỏ qua nhưng anh L vẫn không sửa đổi. Ngoài ra do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến bất hòa, thường xuyên cãi nhau. Từ khoảng tháng 02/2022, anh chị sống ly thân nhau. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, không thể hòa giải đoàn tụ nên chị cương quyết xin ly hôn với anh L.

- Con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Thị Nhã L, sinh ngày 05/12/2006. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Chị Nh xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Bị đơn anh Nguyễn Hai L trình bày:*

Anh và chị Nh tự nguyện chung sống vào năm 2006, đến năm 2010 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh B.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc, có thời gian anh thiếu nợ nên không phụ giúp chị Nh lo cho gia đình được, vì vậy vợ chồng bất hòa. Nay chị Nh xin ly hôn, anh không đồng ý vì còn thương vợ con. Tuy nhiên anh không đến Tòa án, cũng không yêu cầu hòa giải đoàn tụ mà đề nghị giải quyết theo quy định.

- Con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Thị Nhã L, sinh ngày 05/12/2006. Nếu ly hôn, chị Nh xin nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý.

- Tài sản chung: không có.

- Nợ chung: không có.

Do bận đi làm anh xin vắng mặt khi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Võ Thị Nh và anh Nguyễn Hai L tự nguyện chung sống vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh B. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Nhã L- sinh ngày 05/12/2006. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị Nh khai là do anh L không có trách nhiệm với gia đình, gây nợ nần nên vợ chồng bất hòa, từ tháng 02/2022 anh chị sống

ly thân nhau. Nay chị Nh xin ly hôn, xin nuôi cháu L, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Nh, nhưng đồng ý giao con chung cho chị Nh nuôi dưỡng. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Võ Thị Nh, anh Nguyễn Hai L có yêu cầu vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Võ Thị Nh yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Hai L. Qua kết quả xác minh tại Công an xã P ngày 23/8/2022 thì hiện nay anh L đang tạm trú và sinh sống tại ấp Đ, xã P, huyện N, tỉnh Đ nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp ly hôn”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Võ Thị Nh, bị đơn là anh Nguyễn Hai L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Nh và anh Nguyễn Hai L chung sống vào năm 2006, trên cơ sở thương yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99, quyển số 02 ngày 17/6/2010. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010) thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị Nh xin ly anh L vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị Nh khai là do anh L không có trách nhiệm với gia đình, gây nợ nần, từ tháng 02/2022 anh chị sống ly thân nhau đến nay. Anh L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn vì có thời gian anh mắc nợ nên không phụ giúp chị Nh lo cho gia đình nên vợ chồng bất hòa, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Anh L không đồng ý ly hôn nhưng không đồng ý đến Tòa án, không yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ thể hiện anh không mong muốn đoàn tụ với chị Nh. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nh đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Nh được ly hôn anh L là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Chị Nh và anh L khai có 01 cháu tên là Nguyễn Thị Nhã L - sinh ngày 05/12/2006. Ly hôn, chị Nh có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, anh L đồng ý. Xét thấy tại bản khai ngày 27/7/2022 cháu L

cũng có nguyện vọng sống cùng mẹ, vì vậy cần giao cháu L cho chị Nh nuôi, tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp pháp luật.

[5]. Tài sản chung: chị Nh không tranh chấp, anh L khai không có nên không xét.

[6]. Nợ chung: Đương sự khai không có nên không xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 chị Nh phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, các điều 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Nh về việc “Ly hôn” đối với bị đơn anh Nguyễn Hai L.

1. Xử: Cho chị Võ Thị Nh được ly hôn anh Nguyễn Hai L.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thị Nhã L- sinh ngày 05/12/2006 cho chị Võ Thị Nh nuôi dưỡng. Tạm thời anh Nguyễn Hai L không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Võ Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008075 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đ. Chị Nh đã nộp đủ án phí.

Chị Võ Thị Nh, anh Nguyễn Hai L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Mai